

Số: 57/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 27 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Số A, phường B, thành phố C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ cư trú: Số D, tổ E, Khu phố R, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số D, tổ E, Khu phố R, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Đình H qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 27/01, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 22/03/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Thuỷ và ông Nguyễn Đình H chung sống hạnh phúc được 03 (Ba) năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên cãi vã và đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau hơn

04 (Bốn) năm. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng hàn gắn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Thuỷ và ông Nguyễn Đình H không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 28, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 09/02/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của bà Thuỷ, ông Nguyễn Đình H thì ông bà có 01 (Một) con chung, họ và tên là Nguyễn Lê NA, sinh ngày 09/01/2015.

Cả hai thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cho bà Thuỷ trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ ngày 10 đến ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 02/2021. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tài sản chung tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Thuỷ ông Nguyễn Đình H chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Đình H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 27/01, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 22/03/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Có 01 (một) con chung, họ và tên là Nguyễn Lê NA, sinh ngày 09/01/2015.

Sau khi ly hôn, giao cho bà Lê Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng, cấp dưỡng từ ngày 10 đến ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 02/2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Nguyễn Đình H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông Nguyễn Đình H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất

phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Nguyễn Đình H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Đình H xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận.

1.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Đình H xác nhận nợ chung không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Đình H chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0042172 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Đình H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Hòa);

THẨM PHÁN

Mai Trần Cảnh